

Bản án số: 266 /2024/DS-PT.

Ngày: 14 - 6- 2024

V/v: “Tranh chấp lời đi”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

- Các Thẩm phán: ông Nguyễn Quốc Tuấn; bà Phạm Thị Thuý Trang.

Thư ký phiên tòa: ông Ngô Tấn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thuý Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2024/TLPT-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2024, về “Tranh chấp lời đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 233/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc Đ, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho ông Đ: bà Mai Thị N, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản uỷ quyền ngày 19-8-2023); có mặt.

2. Bị đơn: ông Lý Văn C, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Võ Quốc T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông Lý Văn C – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-6-2023, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà nguyên đơn ông **Phạm Quốc Đ** và người đại diện theo uỷ quyền của ông là bà **Mai Thị N** trình bày:

Ông **Phạm Quốc Đ** đang sử dụng thửa đất 2271, 2272, 2273, 2280, tờ bản đồ 9 toạ lạc tại **ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh**. Ngày 17-3-2011 Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã cấp cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Nguồn gốc phần đất này ông nhận chuyển nhượng của ông **Lý Văn T1** (em ruột của ông **Lý Văn C**) vào năm 2010. Xung quanh phần đất của ông đã có cắm cột mốc trụ xi măng và hiện trạng có lối đi chung vào phần đất được thể hiện trên sơ đồ đất GCNQSDĐ cấp cho ông.

Lối đi tranh chấp đã có trước năm 2010, có chiều ngang khoảng hơn 03 m kéo dài từ đầu đường đi qua phần đất nhà ông **Lý Văn T2**, qua đất ông **Phạm Quốc Đ** đến cổng nhà ông **Lý Văn C** toạ lạc tại **tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh**. Ngoài lối đi tranh chấp này thì ông không còn lối đi nào khác. Hiện nay gia đình ông **Lý Văn T2**, ông **Phạm Quốc Đ**, ông **Lý Văn C** đi lại để vào phần đất của mình. Từ năm 2010 đến năm 2022 gia đình ông vẫn đi lại bình thường, không có ai ngăn cản. Ngày 27-02-2023 ông **C** bắt đầu cắm 01 trụ xi măng cao khoảng 1,4 m giáp phần đất của ông và giăng 03 dây kẽm gai cao 1,2 m đến trụ cột điện đối diện trên lối đi nhằm ngăn cản ông đi lại. Tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh đã hoà giải cho hai bên và giải thích con đường tranh chấp là lối đi chung, việc ông **C** yêu cầu đòi trả tiền công làm đường đi là không đúng. Tuy nhiên ông **C** vẫn cố chấp không tháo dỡ hàng rào ngăn cản lối đi.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông **C** phải tháo dỡ cổng rào chắn ngang lối đi gồm 01 trụ xi măng cao 1,4 m tiếp giáp phía trước phần đất ông **Đ** và hàng rào gồm 03 dây kẽm gai cao 1,2 m có chiều ngang 03 m trên lối đi công cộng nêu trên theo Sơ đồ hiện trạng số 1034/SĐHT duyệt ngày 11-3-2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh **T - Chi nhánh C1** để trả lại lối đi chung.

Ông **Đ** không chấp nhận trả lại số tiền 50.000.00 đồng tiền công làm đường đi cho ông **C**. Vì năm 2000 khi ông **C** làm đường thì ông **Đ** chưa mua đất và lối đi này là con đường công cộng đã được thể hiện trên bản đồ địa chính nên ông **Đ** có quyền đi lại.

Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 07-11-2023, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà bị đơn ông **Lý Văn C** trình bày:

Gia đình ông **Lý Văn C**, bà **Huỳnh Thị B** đang sử dụng thửa đất 214, tờ bản đồ 30 toạ lạc **ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh** và ông bà đã được cấp GCNQSDĐ.

Lối đi tranh chấp này theo đo đạc thực tế có chiều ngang khoảng 03 m kéo dài từ đầu đường đi qua phần đất nhà ông **Lý Văn T2**, qua phần đất ông **Phạm Quốc Đ** đến cổng nhà ông. Lối đi này có từ năm 1999- 2000 cho đến nay, khoảng năm 2000 gia đình ông đã tự nguyện lấp các hố bom trên lối đi bằng gạch vỡ, đá, đất để thuận tiện

đi lại; chi phí khoảng 100.000.000 đồng. Từ năm 2010 trở về sau khi gia đình ông có điều kiện, đã mở 02 lối đi phía trước để đi lại, lối đi tranh chấp trong vụ án này trở thành lối đi phía sau của gia đình ông.

Năm 2010, ông Đ mới mua phần đất của ông Lý Văn T1 (em ruột ông) và đi lại qua con đường này. Từ năm 2010 đến năm 2022 ông vẫn cho ông Đ đi lại bình thường. Năm 2023, do gia đình hai bên xảy ra mâu thuẫn nên ông bắt đầu rào lại lối đi bằng cách ông cắm 01 cột trụ xi măng cao 1,4 m trước phần đất ông Đ, làm hàng rào bằng 03 sợi dây kẽm gai cao 1,2 m kéo ngang qua trụ điện đối diện để ngăn cản gia đình ông Đ đi lại.

Nay ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Đ, ông Đ muốn có lối đi thì phải trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng tiền công làm đường thì ông mới tháo dỡ hàng rào ngăn cản lối đi.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị B trình bày:

Bà Huỳnh Thị B là vợ của ông Lý Văn C cùng chung sống với ông C và đang sử dụng lối đi tranh chấp. Nguồn gốc lối đi được hình thành từ năm 1999-2000, gia đình bà sử dụng để đi lại. Năm 2000, được chủ lò gạch cho gạch, đất đá vỡ không lấy tiền nên gia đình bà đã đắp những hố bom trên lối đi này để đi lại; khoảng mấy năm mới hoàn thành xong. Năm 2010, ông Đ mua phần đất kế bên và sử dụng lối đi này. Ông Đ không đồng ý hỗ trợ tiền làm đường cho ông C, nói xấu ông C nên năm 2023 ông C mới làm hàng rào ngăn cản lối đi của ông Đ. Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện phản tố của ông C; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 157, 165, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, 164, 166, 169 của Bộ D; Điều 170, 179 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc Đ về việc “Tranh chấp về lối đi chung” đối với ông Lý Văn C.

Buộc ông Lý Văn C có nghĩa vụ tháo dỡ công rào có chiều ngang 03 m gồm 01 cột trụ xi măng cao 1,4 m trên lối đi tiếp giáp với thửa đất 206, tờ bản đồ 30 và 03 dây kẽm gai có chiều cao 1,2 m kéo ngang qua trụ điện đối diện trên lối đi tiếp giáp thửa đất 257, tờ bản đồ 30, trên lối đi công cộng tọa lạc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh để trả lại lối đi chung (Có kèm theo Sơ đồ hiện trạng số 1034/SĐHT duyệt ngày 11-3-2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - Chi nhánh C1).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lý Văn C về việc buộc ông Phạm Quốc Đ trả lại cho ông C tiền công làm đường với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng).

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 24-4-2024, ông **C** bị đơn kháng cáo: đồng ý mở lối đi nhưng nguyên đơn phải trả tiền công làm lối đi 50.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông **C** trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà **N** trình bày: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* **Phân tranh luận:**

- Luật sư **T** trình bày: GCNQSDĐ của ông **D** không thể hiện có con đường công cộng nên đất làm đường là của gia đình ông **C** tự mở để đi lại.

- Biên bản xác minh cán bộ địa chính bản đồ 299 không có đường đi.

- Các hộ dân lân cận xác nhận con đường tranh chấp là do ông **C** bồi đắp nên những người đi lại phải hỗ trợ chi phí cho ông **C** là hợp lý.

Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông **C**; sửa án sơ thẩm.

- Bà **N** trình bày: khi ông **D** mua đất này thì lối đi có từ trước nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **C**.

* *Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: ông **D** khởi kiện vợ chồng ông **C** yêu cầu mở lại lối đi mà gia đình bà đã sử dụng từ năm 2010 đến nay. Ông **C** cho rằng đất mở lối đi là của cha ông cho ông, ông để cho ông **D** đi lại. Nay ông không cho đi nữa nếu ông **D** muốn có lối đi thì trả cho ông tiền chi phí ông bồi đắp lối đi là 50.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ các phần đất tọa lạc **ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh** nhận thấy:

- Ông **Lý Văn C** và bà **Huỳnh Thị B** đang sử dụng thửa đất 214, tờ bản đồ 30.
- Ông **Phạm Quốc Đ** đang sử dụng thửa đất cũ 2271, 2272, 2273, 2280, tờ bản đồ 09, trong đó thửa 2280 (tương ứng thửa mới 362 tờ bản đồ mới số 30).
- Lối đi tranh chấp kéo dài từ cột trụ gỗ tiếp giáp thửa đất 206, đi qua thửa đất số 362 của ông **Đ** kéo dài tiếp giáp với thửa đất 214 của ông **C**. Đất này không có thửa do nhà nước quản lý không có ai đăng ký.
- Hiện tại trên lối đi tranh chấp, phía trước phần đất của ông **Đ** đang sử dụng, tiếp giáp với thửa 206, ông **C** có cắm 01 trụ cột xi măng cao khoảng 1,4 m và làm hàng rào bằng 03 dây kẽm gai cao 1,2 m, có chiều ngang 03 m kéo ngang từ trụ cột xi măng qua cột trụ điện đối diện nhằm ngăn cản lối đi vào phần đất ông **Đ**.

[3.2] Về chứng cứ: Ủy ban nhân dân xã H, huyện C xác định lối đi tranh chấp là lối đi công cộng, lối đi này được cập nhật trên bản đồ địa chính năm 2010 và do Nhà nước quản lý nên phần đất (lối đi này) không phải là lối đi riêng của bất cứ cá nhân, hộ gia đình nào. Theo bản đồ địa chính năm 2010 thì lối đi có chiều ngang 3,2 m kéo dài từ đầu đường nhựa tới cổng nhà ông **Lý Văn C**. Ông **C** cho rằng đất này do cha ông cho ông nhưng ông không cung cấp được giấy tờ, chứng cứ chứng minh. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông **C** trình bày ông **Đ** muốn đi trên phần đất này thì trả tiền chi phí ông bồi đắp làm lối đi này, cụ thể mua gạch vung, xà bần giá 100.000.000 đồng nhưng ông chỉ yêu cầu ông **Đ** trả số tiền 50.000.000 đồng. Xét thấy, đất làm lối đi công cộng không phải của ông **C**, việc ông **C** tự đổ xà bần (đất, đá, gạch vỡ) bồi đắp lối đi từ năm 2000 để gia đình ông đi lại, số xà bần (đất, đá, gạch vỡ) ông **C** được chủ lò gạch cho không lấy tiền, sau 10 năm (tức năm 2010) ông **Đ** mới nhận chuyển nhượng đất của ông **T1** và sử dụng lối đi công cộng. Năm 2023, khi các bên xảy ra mâu thuẫn thì ông **C** mới làm công rào ngăn cản việc sử dụng lối đi của ông **Đ**. Việc ông **Lý Văn C** tự ý làm công rào trên lối đi này là hành vi lấn chiếm lối đi công cộng, gây cản trở việc đi lại của cá nhân, gia đình của ông **Đ**, xâm phạm đến quyền sử dụng lối đi chung, lối đi công cộng do Nhà nước quản lý và ngoài lối đi này ra ông **Đ** không còn lối đi nào khác để vào đất sản xuất. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đ**; buộc ông **Lý Văn C** phải tháo dỡ toàn bộ chứng ngại vật trên đất trả lại lối đi công cộng và không chấp nhận yêu cầu của ông **C** đòi ông **Đ** trả chi phí bồi đắp làm lối đi số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 10 Điều 12 của Luật Đất đai và Điều 247, 248 của Bộ luật Dân sự. Kháng cáo của ông **C** không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: ông **Lý Văn C** phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 4.083.000 đồng. Do ông **Phạm Quốc Đ** đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên buộc ông **Lý Văn C** phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 4.083.000 (Bốn triệu không trăm tám mươi ba nghìn) đồng cho ông **Phạm Quốc Đ**.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Phạm Quốc Đ** không phải chịu.
 - Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông **Lý Văn C** phải chịu 300.000 đồng loại án phí không có giá ngạch và phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu đòi chi phí bồi đắp làm lồi đi không được chấp nhận là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng hai khoản án phí ông **C** phải chịu số tiền là 2.800.000 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng theo khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Lý Văn C**.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các điều 169, 247, 248 của **Bộ D**; các điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 10 Điều 12 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Quốc Đ** về việc “*Tranh chấp về lồi đi chung*” đối với ông **Lý Văn C**.

Buộc ông **Lý Văn C**, bà **Huỳnh Thị B** có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ chứng ngại vật trên phần đất là lồi đi công cộng gồm: cổng rào có chiều ngang 03 m; 01 cột trụ xi măng cao 1,4 m và 03 dây kẽm gai kéo ngang qua trụ điện đối diện trên lồi đi tiếp giáp thửa đất 257, tờ bản đồ 30 để trả lại lồi đi công cộng, tọa lạc **ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh**, tứ cận:

- Bắc giáp thửa 206 dài 25,13 m, giáp thửa 362 dài 17,20 m;
- Nam giáp thửa 257 dài 25,38 m; 16,88 m;
- Đông giáp thửa 214 dài 03 m;
- Tây giáp đường đất dài 03 m.

(Có kèm theo Sơ đồ hiện trạng số 1034/SĐHT duyệt ngày 11-3-2024 của **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T - Chi nhánh C1**).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông **Lý Văn C** về việc buộc ông **Phạm Quốc Đ** trả lại cho ông **C** tiền chi phí bồi đắp làm lối đi số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

Ông **Lý Văn C** phải chịu có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Phạm Quốc Đ** số tiền 4.083.000 (Bốn triệu, không trăm tám mươi ba nghìn) đồng về khoản chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông **Phạm Quốc Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0018756 ngày 23-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Ông **Lý Văn C** phải chịu tổng số tiền 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông **C** đã nộp 1.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0008517 ngày 07-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông **Lý Văn C** còn phải nộp số tiền 1.550.000 (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: ông **Lý Văn C** phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009168 ngày 25-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; ghi nhận đương sự đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND H. Châu Thành;
- CCTHADS H. Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tâm

